

## Soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) - Ngữ văn lớp 8

**Xem ngay hướng dẫn trả lời câu hỏi soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) trang 144 sách giáo khoa Ngữ văn lớp 8 tập 2.**

**Câu 3\*.** Qua các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25 và 26, hãy cho biết thể nào là văn nghị luận. Em thấy văn nghị luận trung đại (các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25) có nét gì khác biệt nổi bật so với văn nghị luận hiện đại (văn bản trong bài 26 và các văn bản nghị luận đã học ở lớp 7)?

### Trả lời:

- Qua các văn bản trong bài 22, 23, 24, 25 và 26 ta thấy:

+ Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng một quan điểm nào đó. Muốn thế, văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, có lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.

+ Những tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống thì mới có ý nghĩa.

- Văn nghị luận trung đại và hiện đại có nhiều nét khác nhau:

+ Hình thức của văn nghị luận trung đại thường được cố định ở một số thể loại như: chiếu, hịch, cáo, tấu... Còn trong nghị luận hiện đại thì hình thức co dãn tự nhiên, câu văn sinh động, phong phú, có nhiều yếu tố khác cùng tham gia vào quá trình lập luận (chẳng hạn như biểu cảm, tự sự, miêu tả, ...)

+ Về nội dung:

Văn nghị luận trung đại thường bàn tới những vấn đề to lớn, quan hệ tới quốc kế, dân an

Văn nghị luận hiện đại có đề tài rộng hơn, phong phú hơn. Những vấn đề đời thường cũng được đưa ra để nghị luận. Chẳng hạn “*Cần tạo ra thói quen tốt trong xã hội*”, “*Hai biển hồ*” (Ngữ văn 7 - tập hai)

**Câu 4.** Hãy chứng minh các văn bản nghị luận (trong bài 22, 23, 24, 25 và 26) kể trên đều được viết có lí, có tình, có chứng cứ, nên đều có sức thuyết phục cao.

### Trả lời:

(1) *Thiên đô chiếu* (Chiếu dời đô) của Lí Công uẩn

- Mở đầu bằng cách viện dẫn sử sách Trung Quốc nói về việc các vua đời xưa đã từng có những cuộc dời đô.

## Soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) - Ngữ văn lớp 8

+ Nhà Thương năm lần dời đô

+ Nhà Chu ba lần dời đô

Sự kiện dẫn này nói về những sự lựa chọn dời đô đã xảy ra trong lịch sử. Việc dời đô ngày nay của nhà vua cũng là chuyện thường tình.

- Việc dời đô, theo Lí Công Uẩn không phải là hành động tùy hứng mà mục đích của nó được người nghe rất thuận lí: *“Chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân (...) Cho nên vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh”*.

(2) *“Hịch tướng sĩ”* của Trần Quốc Tuấn

- Có thể thấy đoạn mở đầu, tác giả cho hàng loạt các dẫn chứng cụ thể nổi danh trong lịch sử Trung Hoa từ xa tới gần là để chứng minh cho *“Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước”*.

- Để chứng minh cho sự ngạo mạn, ngược ngạo của bọn sứ giả nhà Nguyên, tác giả vừa dùng dẫn chứng có miêu tả, bày tỏ thái độ căm hận ở trong những dẫn chứng đó *“Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ”*...

Chỉ riêng việc dùng hình thức vật hóa, gọi lũ giặc là cú diều là dê chó đã cho thấy tình cảm của người viết bộc lộ trong việc đưa dẫn chứng vào bài văn:

- Đoạn văn giàu tình cảm, thể hiện cái “Tôi - trữ tình” của tác giả có sức thuyết phục rất mạnh mẽ tới tướng sĩ. Trần Quốc Tuấn dùng tâm can của mình để kích động lòng căm thù giặc cho các tướng sĩ.

*“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa [...] ta cũng vui lòng.*

- *Hịch tướng sĩ* là một văn bản nghị luận rất chặt chẽ vì thế mà nó thuyết phục người đọc không những bằng tình cảm mà bằng lí trí, bằng lập luận.

+ Mở đầu là nêu gương các trung thần nghĩa sĩ, họ là những người lưu danh sử sách muôn đời: đó là những gương xa xưa, đó là những tấm gương vừa mới xảy ra.

+ Phần hai: nhận định tình hình, phân tích phải trái để gây lòng căm thù giặc.

+ Phần cuối: nêu chủ trương cụ thể và xác lập tâm thế sẵn sàng chiến đấu.

(3) *“Bàn luận về phép học”* của Nguyễn Thiếp

## Soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) - Ngữ văn lớp 8

- Có lí: cái hại vô lường của lối học cầu danh lợi; cái lợi của việc học chân chính.
- Có tình: hết lòng lo lắng cho sự học, cho tương lai của đất nước.
- Có chứng cứ: cái hại của lối học hình thức; cái lợi của học chân chính

### (4) "Thuế máu" của Nguyễn Ái Quốc

- Có lí: bóc trần bản chất tàn ác của chính quyền thực dân trong việc lừa bịp để lợi dụng thuế máu của nhân dân thuộc địa phục vụ quyền lợi của chúng.
- Có tình: sự đồng cảm với những nạn nhân vô tội; lên án chủ nghĩa thực dân.
- Có chứng cứ: con số chính xác, hình ảnh cụ thể.

**Câu 5.** Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại của các văn bản trong bài 22, 23 và 24.

### Trả lời:

Những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại ở các văn bản 22, 23, 24

- Tất cả những tác phẩm này đều là nghị luận thời trung đại. Thời bấy giờ "văn, sử, triết" bất phân. Do đó, không lạ gì, ta có thể coi đây là những áng văn chương bất hủ. Yếu tố nội dung là nghiêng về nhận thức lí tính nhưng yếu tố cảm xúc, yếu tố hình tượng rất đậm nét trong các văn bản này.

- Hình thức những tác phẩm này rất giàu nhạc điệu. Yếu tố biến ngẫu khiến cho những câu văn chia thành các vế nhịp nhàng và trầm bổng giàu chất thơ.

- Sự khác nhau là do nội dung tư tưởng của thể loại quy định. Có thể đọc lại các chú thích về chiếu, hịch, cáo trong sách giáo khoa để so sánh.

+ Chiếu

- Là thể văn do nhà vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

- Chiếu có thể làm bằng văn vần, biến ngẫu hoặc văn xuôi, được công bố và đón nhận một cách trịnh trọng.

- Một số bài chiếu thể hiện tư tưởng chính trị lớn lao, có ảnh hưởng tới vận mệnh của cả triều đại, đất nước.

## Soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) - Ngữ văn lớp 8

### + Hịch

- Là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh một phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.
- Hịch có kết cấu chặt chẽ, có lí luận sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục.
- Đặc điểm nổi bật của hịch là khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe. Hịch thường được viết theo thể văn biền ngẫu (từng cặp câu cân xứng với nhau)

### + Cáo

- Là thể văn nghị luận cổ, thường được vua chúa và thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương hay công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.
- Cáo phần nhiều được viết bằng văn biền ngẫu (không có hoặc có vần, thường đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau)
- Cũng như hịch, cáo là thể văn có tính chất hùng biện. Do đó, lời lẽ phải đanh thép, lí luận phải sắc bén, kết cấu phải chặt chẽ, mạch lạc.

**Câu 6.** Qua văn bản *Nước Đại Việt ta* (bài 24), hãy cho biết vì sao tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam khi đó. So với bài *Sông núi nước Nam* (học ở lớp 7) cũng được coi là một tuyên ngôn độc lập, em thấy ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản *Nước Đại Việt ta* có điểm gì mới?

### Trả lời:

- Văn bản “*Nước Đại Việt ta*” (bài 24) được trích trong *Bình Ngô đại cáo* là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Việt Nam khi đó bởi đoạn trích đã khẳng định được:

+ Nước ta có nền văn hiến lâu đời

+ Có lãnh thổ riêng

+ Phong tục riêng

+ Có chủ quyền, có các triều đại đặt ngang hàng với các triều đại phương Bắc

+ Có truyền thống lịch sử oanh liệt: Bất cứ kẻ xâm lược nào vào nước ta đều bị sức mạnh nhân nghĩa của chúng ta làm cho đại bại

## Soạn bài Tổng kết phần văn (tiếp theo) - Ngữ văn lớp 8

Vào thời đại Nguyễn Trãi, năm yếu tố trên là một định nghĩa khá toàn diện và sâu sắc về khái niệm dân tộc.

- So với bài thơ “*Sông núi nước Nam*” (đã học ở lớp 7) vốn được coi là bản tuyên ngôn độc lập trên của nước nhà thì “*Nước Đại Việt ta*” có nhiều điểm mới.

+ Trong “*Sông núi nước Nam*”, tác giả khẳng định: nước là của vua và điều này đã được sách trời thừa nhận. Vì thế kẻ thù xâm phạm sẽ bị đánh toi bởi do ý trời không chấp nhận.

+ Với Nguyễn Trãi, khái niệm đất nước, dân tộc được quan niệm toàn diện và sâu sắc hơn. Tác giả nhấn mạnh vào nền văn hiến, vào cương vực lãnh thổ tự nhiên, vào phong tục văn hóa. Vào các triều đình tiêu biểu cho từng thời kì tồn tại và phát triển của dân tộc. Điều cuối cùng, có vẻ giống “*Sông núi nước Nam*” là kẻ thù phải thất bại khi đến xâm lược Đại Việt. Tuy nhiên những chiến thắng ở đây là rất cụ thể, nó đã xảy ra chứ không phải sẽ xảy ra như “*Sông núi nước Nam*”. Ở đây, ý thức về nền độc lập dân tộc đã được xác lập thành khái niệm truyền thống. Có văn hóa, có truyền thống chống ngoại xâm, có nhân nghĩa thì lẽ đương nhiên, hai mươi năm “ném mật nếm gai” chúng ta sẽ chiến thắng quân Ngô (quân Minh) để giành lại độc lập cho dân tộc.